

Số: 07/GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 100/TTr-STNMT ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina, địa chỉ tại lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) Future Of Sound Vina (giai đoạn 1) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: số 5000817045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 05 năm 2022

1.4. Mã số thuế: 5000817045

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công tai nghe và cáp; giắc truyền dữ liệu dùng cho thiết bị di động và điện thoại thông minh.

1.6. Công suất của dự án giai đoạn 1: 7.000.000 sản phẩm/năm gồm: Đầu tư xây dựng dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh công suất 2.500.000 sản phẩm/năm; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây công suất 2.500.000 sản phẩm/năm và tai nghe bluetooth với công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Future Of Sound Vina có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- C.ty TNHH Future Of Sound Vina (thực hiện);
- Lưu: VT...

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, khối lượng phát sinh khoảng 26,8 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn ca, khối lượng phát sinh khoảng 4,7 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2394098; Y: 436120 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 31,5 m³/ngày.đêm (1,31 m³/giờ.)

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả nước thải là liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải sinh hoạt, Cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		

8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Colifrom	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng các đường ống kín dẫn về 03 bể tự hoại ba ngăn có tổng thể tích 46,0 m³ (02 bể tự hoại 8 m³ và 01 bể tự hoại 30 m³) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn ca được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích 2,0 m³ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Bể tự hoại: gồm 03 bể tự hoại ba ngăn xây ngầm (02 bể 8 m³ và 01 bể 30 m³), kết cấu đáy bê tông cốt thép, tường xây gạch, thành trát vữa chống thấm.

b) Bể tách dầu mỡ 02 ngăn, có thể tích 2,0 m³, có bố trí lưới chắn rác

c) Trạm xử lý nước thải của Nhà máy

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại/bể tách dầu mỡ) → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (mương thoát nước của Cụm công nghiệp Phúc Ứng).

- Công suất thiết kế: 70 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch javen (khối lượng sử dụng khoảng 70 lít/tháng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ quý II năm 2023)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải của Nhà máy, công suất 70 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại điểm xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, giám sát theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm và các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Lắp đặt thiết bị đo khối lượng nước thải đầu vào, đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung; đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải tập trung.

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Khí thải từ khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa.
- Khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Nguồn thải số 1: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhôm thiếc, đúc nhựa.

a) Vị trí xả khí thải: tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2393859; Y:436131 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106, múi chiều 3⁰).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/h.

c) Phương thức xả khí thải: Trong ca làm việc (8 tiếng/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850		
6	CO	mg/Nm ³	1000		
7	Pb	mg/Nm ³	5		
8	Vinyl Clorua	mg/Nm ³	20		

2.2. Nguồn thải số 2: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

a) Vị trí xả khí thải: tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2393854; Y:436128 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106, múi chiều 3⁰).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 22.000 m³/h.

c) Phương thức xả khí thải: Trong ca làm việc (8 tiếng/ngày).

d) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850		
6	CO	mg/Nm ³	1000		
7	Pb	mg/Nm ³	5		
8	Vinyl Clorua	mg/Nm ³	20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THUGOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải từ khu vực hàn được thu hồi bằng các chụp hút qua đường ống dẫn (đường kính 350 mm) dẫn về các công trình xử lý xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhúng thiếc, đúc nhựa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải hàn nhúng thiếc, đúc nhựa → Chụp hút → đường ống và quạt hút → hộp than hoạt tính → ống thoát khí

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

b) Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải hàn nhúng thiếc, đúc nhựa → Chụp hút → đường ống và quạt hút → hộp than hoạt tính → ống thoát khí

- Công suất thiết kế: 22.000 m³/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (400 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Khi sự cố không khắc phục được phải dừng hoạt động toàn bộ hệ thống, ngừng hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải; tập trung sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ quý II năm 2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực hàn nhúng thiếc, đúc nhựa.

- Hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc nhựa vào chân cấp.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để theo dõi, giám sát theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Thiết bị, máy móc sản xuất của dự án
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất và khu vực đề máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm để giảm tiếng ồn và giảm độ rung

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06
2	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
3	Bao bì bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	100	18 01 02
4	Bao bì bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	120	18 01 03
5	Hộp mực in thải	Rắn	15	08 02 04
6	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	400	12 01 04
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải có thành phần nguy hại	Rắn	250	18 02 06
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	120	17 01 04
	Tổng khối lượng		1.085	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/tháng)
1	Mảnh vụn kim loại (bavia)	70
2	Các sản phẩm lỗi hỏng không chứa thành phần nguy hại	50
3	Dây cáp hỏng	10
4	Vỏ bao bì, thùng sộp, bì carton hỏng	14,2
5	Nhựa thừa từ quá trình ép nhựa	30
	Tổng	174,2

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 210 kg/ngày, thành phần chủ yếu là rau, vỏ hoa quả, thức ăn thừa... rác thải từ văn phòng như giấy, túi nhựa, túi ni lông.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 07 thùng chứa, thể tích 1 m³/thùng, để phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho: 36 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: **Móng xây gạch, nền láng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn.**

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa có thể tích thể tích 1 m³

2.2.2. Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường

- Diện tích kho: 54 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: **Móng xây gạch, nền láng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn.**

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa có thể tích 200l/thùng

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí tại vị trí thuận lợi để thu gom, vận chuyển, có mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi

trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 10/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: Không.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Không.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Theo Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công thiết bị nghe (tai nghe) future of sound vina tại lô E2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; hạng mục, công trình thuộc phân kỳ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm: Đầu tư xây dựng bổ sung dây chuyền lắp ráp cáp/giắc truyền dữ liệu cho điện thoại di động và điện thoại thông minh; dây chuyền sản xuất, lắp ráp tai nghe có dây và tai nghe bluetooth với tổng công suất 3.000.000 sản phẩm/năm.

Công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

- Xây dựng hệ thống xử lý khí thải tập trung: Khí thải từ các khâu sản xuất được các chụp hút, hút vào hệ thống ống PVC φ 60 tại mỗi bàn làm việc của công nhân sau đó dẫn vào các đường ống φ 200 nhờ hệ thống quạt hút làm tăng áp suất cho dòng khí. Khí thải sau đó được dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy

2. Trước khi đưa hạng mục, công trình thuộc giai đoạn (phân kỳ) tiếp theo của dự án đi vào hoạt động, Công ty có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo

quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.